

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **04/2021/HNGĐ-PT**

Ngày 07-9-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Quân

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Hải

Bà Nguyễn Thị Thu Lan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2021/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 34/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Hà Đình C, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

**- Bị đơn:** Chị Dương Thị Ngọc A, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường Nguyễn Phúc, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

**- Người kháng cáo:** Anh Hà Đình C là nguyên đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Anh Hà Đình C và chị Dương Thị Ngọc A đăng ký kết hôn ngày 11-10-2013 tại UBND phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã. Bản thân anh và chị A cũng như gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 5-2021 đến nay.

Anh C xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị A.

Chị A cho rằng trong những lần cãi vã, anh C thường dùng những lời lẽ thô tục để mắng chửi, xúc phạm chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh C và chị A có một con chung là Hà Bảo T, sinh ngày 02-10-2014. Anh C và chị A đều có nguyện vọng nuôi con.

Anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung: Anh C có chỗ ở, nghề nghiệp, thu nhập ổn định, hiện đang làm công nhân lái máy xúc tại Công ty TNHH Đ, thành phố Y với mức thu nhập bình quân là 10.500.000 đồng/tháng.

Chị A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng. Về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung: Chị A có chỗ ở, nghề nghiệp, thu nhập ổn định, đảm bảo để nuôi dưỡng chăm sóc và chăm lo cho con về đời sống và học tập. Hiện chị A đang làm tại Quỹ tín dụng phường N, thành phố Y và làm thêm ngoài giờ tại nhà may H Tailor của hộ gia đình ông Phạm Mạnh H ở tổ 4, phường Yên Ninh, thành phố Y, tổng thu nhập bình quân là 14.000.000 đồng/tháng. Từ khi vợ chồng ly thân đến trước ngày 22-5-2021, cháu T ở cùng chị tại nhà của bố để chị ở tổ dân phố P, phường N, thành phố Y, bố chị đã mất, hiện chỉ có mình chị sống tại ngôi nhà này.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số: 34/2021/HNGĐ - ST ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái căn cứ vào Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110;

Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đã quyết định:

**1. Về hôn nhân:** Anh Hà Đình C được ly hôn chị Dương Thị Ngọc A.

**2. Về con chung:** Giao cho chị Dương Thị Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Bảo T, sinh ngày 02-10-2014. Anh Hà Đình C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí; nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06-8-2021, anh Hà Đình C kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung với lý do chị A không đủ điều kiện đáp ứng quyền lợi mọi mặt của con và đề nghị được trực tiếp nuôi con.

Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, anh Hà Đình C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: chị Dương Thị Ngọc A không có công việc ổn định, hiện đang sống nhờ trên đất của bà nội, ở nhà tạm của bố để đã mất; việc làm thêm ở Quỹ tín dụng phường N là không đúng vì trong thời gian sống cùng nhau anh không thấy chị A làm việc ở đó.

Chị Dương Thị Ngọc A không nhất trí giao con cho anh C nuôi dưỡng và xuất trình xác nhận của Công an xã T, huyện V thể hiện anh Hà Đình C thường xuyên vắng mặt tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến quá trình xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Trong giai đoạn phúc thẩm Kiểm sát viên đã có yêu cầu xác minh chứng cứ và Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo yêu cầu. Các đương sự đã thực đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

giữ nguyên bản án sơ thẩm số 34/2021/HNGĐ - ST ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Y. Anh Hà Đình C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Y đã xác định đúng quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Đơn kháng cáo của anh Hà Đình C nộp trong thời hạn đúng theo quy định của pháp luật và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận để xem xét.

[2] Về nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm và kháng cáo của đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Anh C và chị A có một con chung là Hà Bảo T, sinh ngày 02-10-2014. Anh C và chị A đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Bản án sơ thẩm đã nhận định: Nguyên vọng được nuôi dưỡng con chung của anh C và chị A là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, anh C và chị A đều chứng minh được thu nhập và điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, với tính chất công việc của anh C hay phải đi làm theo các công trình, công việc thường xuyên bắt đầu từ sớm và kết thúc muộn, sau khi vợ chồng mâu thuẫn vào ngày 22-5-2021, anh C đưa con về sống với mẹ đẻ của anh tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái nhưng không trực tiếp chăm sóc con. Hơn nữa, cháu Hà Bảo T còn nhỏ, lại là con gái nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ nên đã quyết định giao cháu Hà Bảo T cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là có căn cứ, đúng pháp luật. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/tháng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 82; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

Kháng cáo của anh Hà Đình C cho rằng chị A không có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con với các nội dung chị A không có nhà để ở (vì đang ở nhờ); không có công việc ổn định; chị A không làm việc tại Quỹ tín dụng phường N. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng trong hồ sơ vụ án đã thể hiện: Chị A có tài sản là nhà đất được tặng cho tại tổ dân phố P, phường N (BL: 46); có việc làm tại Nhà may H Tailor và quỹ tín dụng phường N, thành phố Y với tổng thu nhập là 14.000.000, đồng/tháng (BL: 47, 57); trong giai đoạn phúc thẩm Quỹ tín dụng phường N đã xuất trình Hợp đồng lao động; phiếu chi trả tiền lương và trình bày chị Dương Thị Ngọc A đã ký hợp đồng và làm việc tại Quỹ tín dụng phường N từ ngày 01-6-2021

đến ngày 01-8-2021 thì chị A thôi không làm nữa. Như vậy, hiện tại chị A vẫn còn làm việc tại Nhà may H Tailor có thu nhập bình quân là 5.000.000, đồng/tháng.

Đối với cháu Hà Bảo T trước khi anh C và chị A ly thân, cháu T sống, học tập tại Trường tiểu học phường N, thành phố Y; chị A là người trực tiếp chăm sóc, đưa đón cháu đi học. Anh C đề nghị được nuôi con nhưng do tính chất công việc, anh C phải đưa con về sống với mẹ đẻ của anh C tại Thôn B, xã T, huyện V trong khi anh C vẫn làm việc cho Công ty TNHH Đ có trụ sở tại Tổ 8, phường G, thành phố Y.

Từ những căn cứ nêu trên cho thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, thì kháng cáo của anh Hà Đình C về việc đề nghị được trực tiếp nuôi con là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 34/2021/HNGĐ - ST ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

[3] Do kháng cáo của anh Hà Đình C không được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Hà Đình C. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 34/2021/HNGĐ - ST ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái về phần nuôi con như sau:

Giao cho chị Dương Thị Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Bảo T, sinh ngày 02-10-2014. Anh Hà Đình C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Trâm đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị A có đơn yêu cầu thi hành án mà anh C chưa thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh C còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: anh Hà Đình C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0009327 ngày 10-8-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND thành phố Y;
- Chi cục THADS thành phố Y;
- UBND phường N, Tp Y;
- Các đương sự; (4)
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, TA. (12b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hồng Quân**